

Số: /2023/NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG KHÓA X KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 563/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang theo Quyết định số

590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 (không bao gồm phạm vi, đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và trường hợp các hộ dân đã nhận chính sách trợ giúp xã hội tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội).

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt gồm:

Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất.

Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ thuộc Chương trình Bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Ưu tiên thực hiện hỗ trợ, bố trí ổn định dân cư để khắc phục, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra; trong đó, các hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở và hộ gia đình, cá nhân có nguy cơ cao hơn (sống trong khu vực có mức độ nguy cơ sạt lở cao) được ưu tiên thực hiện trước.

b) Trong cùng thời điểm nếu có nhiều chính sách được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước với cùng nội dung và đối tượng thì chỉ được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất.

c) Chỉ thực hiện chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân có nhà ở riêng đã di dời khỏi vùng sạt lở và có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất.

4. Nội dung hỗ trợ

Ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho các hộ gia đình, cá nhân thực hiện bố trí, ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, bao gồm: Di chuyển người và tài sản, nhà ở, lương thực (trong thời gian đầu tại nơi tái định cư), nước sinh hoạt (nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung).

5. Mức hỗ trợ

Mỗi hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ với mức hỗ trợ là 30.000.000 đồng/hộ.

6. Kinh phí thực hiện

Sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nguồn vốn lồng ghép từ các

chương trình, kế hoạch, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2023.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Website Chính phủ;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh An Giang;
- Báo An Giang, Đài PT-TH An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học, Cổng thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND-M.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Nưng